



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Phố Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Nhà máy: Km35 Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, H. An Lão, TP. Hải Phòng
Tel: (84-225) 3525.195 - 3824.984 Fax: (84-225) 3824.562
Email: info@lilama69-2.com.vn Website: lilama69-2.com.vn



Số: 10./CBTT - 2024

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2024.

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: **Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng**
4. Điện thoại: 02253.525.195 Fax: 02253.824.562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Vũ Kế Chương** - Đại diện pháp luật
6. Nội dung của thông tin công bố:
Báo cáo thường niên năm 2023
7. Địa chỉ Website đăng tải: <http://www.lilama69-2.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu vt

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ THÔNG TIN



Vũ Kế Chương

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2
-----&-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023

HẢI PHÒNG, THÁNG 4/ 2024

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	3
1. Thông tin chung	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
4. Định hướng phát triển	8
5. Các rủi ro	9
II. Tình hình hoạt động trong năm	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự	10
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	11
4. Tình hình tài chính	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	13
6.1 Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu	13
6.2 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	14
6.3 Chính sách liên quan đến người lao động	14
6.4 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	15
6.5 Chính sách liên quan đến người lao động	15
6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	16
6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường theo hướng dẫn của UBCKNN	16
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	15
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
2. Tình hình tài chính	17
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	18
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	19
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán	20
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	20
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	20
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	20
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	20
V. Quản trị công ty	20
1. Hội đồng quản trị	20

2. Ban Kiểm soát	22
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	25
VI. Báo cáo tài chính	26
1. Ý kiến kiểm toán	29
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	30

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2**

Năm báo cáo: **Năm 2023**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin chung:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lilama 69-2.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200155547; Đăng ký lần đầu: ngày 16/12/2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 8: ngày 09/07/2022.
- Vốn điều lệ: 82.982.430.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 82.982.430.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0225 3525195
- Số fax: 0225 3824562
- Website: www.lilama69-2.com.vn
- Email: info@lilama69-2.com.vn
- Mã cổ phiếu: L62

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Lilama 69-2 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 69-2 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA). Được thành lập ngày 01/12/1960, trụ sở Công ty đặt tại số 26 phố Tân Viên - phường Thượng Lý - quận Hồng Bàng – thành phố Hải Phòng.
- Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo quyết định số: 1691 ngày 02/11/2004 của Bộ Xây dựng. Mã số doanh nghiệp 0203001155 Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/12/2004; Vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng (trong đó vốn Nhà nước là: 4.515.200.000 đồng chiếm 50,17%, vốn của các cổ đông là: 4.484.800.000 đồng chiếm 49,83%). Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 đồng vào năm 2007 (vốn Nhà nước chiếm 50,17%), đã được Sở kế hoạch

đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ hai ngày 11/6/2007.

- Ngày 21/04/2008 Công ty thực hiện niêm yết, giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu L62. (Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận tại Quyết định số 112/QĐ - TTGDHN ngày 26/3/2008).

- Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ Công ty trong các năm tiếp theo, cụ thể như sau :

+ Năm 2009: Nghị quyết số 37/NQĐHCD ngày 18/9/2009 của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm 1.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, chủ trương tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 45.000.000.000 đồng. Thực tế đến ngày 31/12/2009 thực hiện tăng vốn điều lệ: 44.808.610.000 đồng (Trong đó vốn Nhà nước chiếm 50,38%). Sở KHĐT Hải Phòng cấp đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 08/02/2010.

+ Năm 2010: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 13/NQ-ĐHCD/2010 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; theo giấy chứng nhận số 767/UBCK-GCN của UBCK Nhà nước ngày 28/12/2010, Năm 2011 Công ty thực hiện chủ trương phát hành tăng vốn điều lệ từ: 44.808.610.000 đồng lên 60.491.620.000 đồng theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1/0,35 (mỗi cổ phiếu hiện hữu được mua thêm 0.35 cổ phiếu mới với giá 12.000 đồng). Thực tế đến ngày 22/04/2011 vốn điều lệ của Công ty được tăng lên thành: 57.418.170.000 đồng (Trong đó vốn Nhà nước chiếm 53,08% tương ứng với 3.047.807 cổ phiếu). Sở KHĐT Hải Phòng cấp đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 17/10.2011.

+ Năm 2017: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 số 88/NQ-ĐHĐCĐ 2017 ngày 29/04/2017 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; giấy chứng nhận số 33/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/07/2017 và Quyết định số 903/QĐ-UBCK về chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Lilama 69-2. Công ty thực hiện chủ trương phát hành tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán và phát hành 3.786.167 cổ phiếu tương đương: 37.861.670.000 đồng. Kết quả đã thực hiện, tổng số cổ phiếu đã phân phối: 2.556.426 cổ phiếu tương đương 25.564.260.000 đồng, chiếm 67,52% tổng số cổ phiếu được phép phát hành, trong đó:

. Phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ số cổ phần đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phần hiện có 22,4%: 1.286.167 cổ phiếu tương đương: 12.867.670.000 đồng.

. Phân phối cho cổ đông hiện hữu với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu theo tỷ lệ số cổ phần đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phần hiện có: 531.050 cổ phiếu tương đương: 5.310.500.000 đồng.

. Phân phối tiếp cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết cho các đối tượng khác theo Nghị quyết HĐQT số 226/NQ-HĐQT 2017 ngày 31/10/2017 với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu: 739.300 cổ phiếu tương đương: 7.393.000.000 đồng, chiếm 19,53% tổng số cổ phiếu được phép phát hành và chiếm 28,92% chứng khoán đăng ký. Số lượng cổ phiếu sẽ được hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 06/11/2017.

. Kết thúc đợt phát hành tăng vốn, vốn điều lệ mới năm 2017 của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 là: 82.982.430.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã thay đổi lần thứ 7 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/12/2017 (Trong đó vốn Nhà nước chiếm 44,96%).

+ Năm 2018: Tổng Công ty lắp máy Việt Nam đã thực hiện đấu giá: 3.730.515 cổ phiếu L62 của Tổng công ty. Ngày 18 tháng 02 năm 2019 Tổng Công ty lắp máy Việt Nam – CTCP có báo cáo V/v: Chuyển tiền và danh sách sở hữu cổ phần; Kết quả 3.730.515 cổ phần được chuyển nhượng thành công. Theo đó Tổng Công ty lắp máy Việt Nam – CTCP sở hữu từ 44,96% vốn điều lệ xuống còn 0%, Công ty CP Lilama 69-2 trở thành công ty cổ phần 100% vốn tư nhân.

- Các sự kiện khác: Không.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty:*

- Ngành nghề kinh doanh:

. Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp.

. Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

. Gia công và lắp dựng các kết cấu thép, thiết bị cho các công trình công nghiệp: nhà máy nhiệt điện, nhà máy thủy điện, nhà máy xi măng, nhà máy hóa chất, nhà máy lọc dầu, khí, nhà máy thép, hệ thống đường ống, các dự án vui chơi, giải trí, cầu;

. Xây dựng các công trình dân dụng.

. Thi công các công trình công nghiệp; thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống giàn không gian; sửa chữa và bảo dưỡng các nhà máy công nghiệp.

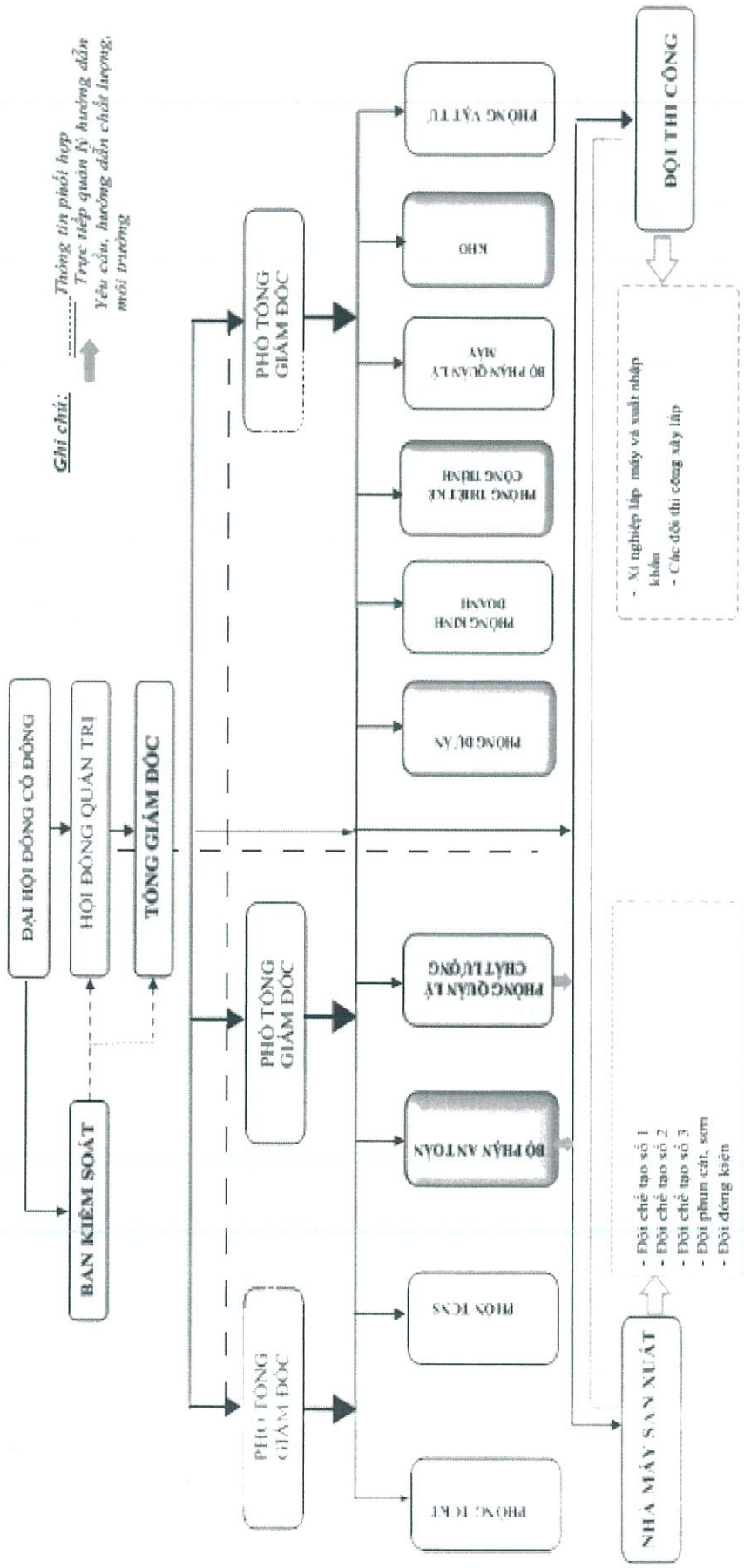
. Sản xuất chuyên dụng khác.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty Cổ phần Lilama 69-2 có địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tỉnh, thành trên cả nước và xuất khẩu các sản phẩm cơ khí do Công ty chế tạo ra thị trường ngoài nước. Cụ thể Công ty đã và đang tiến hành thi công các công trình tại các tỉnh, thành phố như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Hà Nội, Thanh Hóa, Kiên Giang,... Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí vào các thị trường các nước: Nhật Bản, Philippines, Colombia,...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2



- Mô hình quản trị:

+ *Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)*: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư, cơ cấu vốn, các mục tiêu sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển Công ty.

+ *Hội đồng Quản trị (HDQT)*: Hội đồng Quản trị Công ty năm 2023 có 05 người, 01 Chủ tịch chuyên trách và 04 thành viên kiêm nhiệm. 01 thành viên có đơn xin từ nhiệm ngày 27/2/2023, 01 thành viên có đơn xin từ nhiệm ngày 08/6/2023 và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm vào ngày 30/06/2023. Tính đến hết năm 2023 HDQT công ty còn 3 thành viên. Hiện Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định.

. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng Quản trị ban hành các Nghị quyết/Quyết định, các Quy chế/quy định, là công cụ pháp lý để Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của Ban điều hành nhằm bảo đảm cho Công ty được định hướng và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.

. Hội đồng Quản trị làm theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước các cổ đông, trước pháp luật về Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đối với mọi vấn đề, đặc biệt là kết quả sản xuất kinh doanh.

+ *Ban Kiểm soát (BKS)*: Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ *Tổng giám đốc Công ty*: Tổng giám đốc Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh; Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, người đại diện Pháp luật và Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

+ *Phó Tổng giám đốc*: các Phó tổng giám đốc Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và Pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

+ *Các phòng ban chức năng*: do Tổng giám đốc Công ty ký quyết định thành lập trên cơ sở tờ trình được HĐQT phê duyệt, các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Tổng giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện mục tiêu và chiến lược của Công ty.

- Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có

4. *Định hướng phát triển*:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Xây dựng Công ty theo đề án được thông qua Đại hội đồng cổ đông của Công ty là: Tăng trưởng và phát triển ổn định, khẳng định được vị trí trong lĩnh vực gia công, lắp đặt thiết bị.

- Chiến lược phát triển trung, dài hạn: tiếp tục giữ vững vị thế trong ngành của Việt Nam, chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công, xây dựng kế hoạch cụ thể và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội, cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn, trung hạn của Công ty: Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là hai yếu tố không thể tách rời đối với quá trình phát triển của một nền kinh tế - xã hội tiên tiến, hiện đại. Do đó trong quá trình kinh doanh lâu dài, đòi hỏi doanh nghiệp phải có những cam kết và nỗ lực duy trì thực hiện liên tục. Để đạt được mục tiêu đó, Công ty đã thiết lập chính sách môi trường nhằm định hướng cho việc luôn đề cao quan niệm về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục phát huy truyền thống cao quý như quan tâm giúp đỡ tới các gia đình chính sách, tổ chức thăm hỏi các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, khuyến khích động viên tích

cực các cháu, con em trong Công ty chăm ngoan học giỏi. Tham gia tích cực vào các hoạt động xóa đói giảm nghèo của Địa phương.

5. Các rủi ro :

- Rủi ro từ thị trường: hiện nay nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu với kinh tế thế giới, do vậy mọi sự biến động của kinh tế thế giới có những tác động không nhỏ đến kinh tế Việt Nam. Khi nền kinh tế bị ảnh hưởng của khủng hoảng, xung đột vũ trang có tác động không nhỏ đến thị trường công việc.

- Rủi ro từ pháp luật: trong lĩnh vực gia công chế tạo hiện nay vật tư sắt thép phải nhập ngoại nhiều, những thay đổi của chính phủ về chính sách thuế hoặc việc bảo hộ của các nước xuất khẩu cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của các dự án Công ty đang triển khai. Một số Chủ đầu tư chây ì, khó đưa ra trước pháp luật vì các thủ tục yêu cầu, ví dụ như họ không ký xác nhận công nợ,...

- Rủi ro từ đặc thù ngành nghề: thị trường công việc hạn chế dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng cao giữa các doanh nghiệp xây lắp, gia công chế tạo trong nước. Ngoài ra do hội nhập và khuyến khích đầu tư nước ngoài của Chính phủ, các doanh nghiệp Việt Nam còn phải cạnh tranh với các nhà thầu và Công ty quốc tế có tiềm lực mạnh về nguồn vốn, công nghệ. Đây là thách thức lớn cho việc phát triển của Công ty trong năm và những năm tiếp theo.

- Rủi ro thu hồi vốn: thời gian thi công các công trình thường kéo dài, việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ quyết toán thi công công trình mất nhiều thời gian, tình trạng nợ đọng của một số công trình, ... làm ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của Công ty.

- Rủi ro dịch bệnh, chiến tranh: cũng là nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến lĩnh vực gia công chế tạo, cơ khí. Đặc biệt ảnh hưởng từ dịch Covid năm 2019 kéo dài hệ lụy đến nay, ngoài ra do xung đột Nga – Ukraina kéo dài, nên hoạt động sản xuất, xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế của Đất nước nói chung và của Lilama 69-2 nói riêng.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2023 công ty thiếu các đơn hàng, không duy trì đủ việc làm cho người lao động, trải qua dịch bệnh và lạm phát, số lượng CBCNV xin nghỉ lớn, một số phương tiện máy móc không dùng đến trong thời gian dài xuống cấp, cần kinh phí để duy tu sửa chữa.

Hiện số nợ Thuế, nợ BHXH còn cao.

Chỉ tiêu	Năm 2023 (VNĐ)			TH năm 2023/TH năm 2022
	Kế hoạch (KH)	Thực hiện (TH)	TH năm 2023/KH 2023	
1. Tổng doanh thu thuần	200.000.000.000	80.235.908.244	40,1%	67,1%
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	200.000.000	-101.865.112.403	-509%	-296,4%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Cá nhân	Chức vụ	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Tổng giám đốc	Số 18/127 Hồ Sen, Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng			
2	Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng giám đốc	Số 7B, 106 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng	654.983	7,89%	
3	Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/02/2023)	An Đồng, An Dương, Hải Phòng	15.000	0,18%	
5	Ông Nguyễn Giám Hiếu	Phó Tổng giám đốc (nghỉ chế độ hưu trí ngày 01/09/2023)	Venice 07-11, Khu đô thị Imperia, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	381	0,005%	
6	Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng giám đốc	Khu chung cư Lương Quán, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng	14.297	0,17%	
7	Bà Vũ Thị Nga	Kế toán trưởng	44 Tân Viên, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	5.000	0,06%	

- Những thay đổi trong HĐQT, BDH, BKS: miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của ông Trương Đức Thành, bà Lê Thị Minh; Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS của bà Vũ Thị Ngà, bà Phùng Phương Linh; Bầu bổ sung 2 thành viên BKS là ông Nguyễn Quang Thi và Đào Anh Nghị; Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của ông Trương Đức Thành, Quyết định cho nghỉ chế độ hưu trí của Ông Nguyễn Giám Hiệu.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Tổng số lao động của Công ty tham gia bảo hiểm đến cuối kỳ (tháng 31/12/2023) là: 56 người, tùy theo tình hình thực tế công việc, số lao động hợp đồng có thể huy động là 300 người.

+ Về chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo qui định của Bộ Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể, ký hợp đồng lao động đối với 100% người lao động. Tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, cho 100% người lao động; đến 31/12/2023 số tiền còn nợ BHXH là 11,09 tỷ đồng (nợ gốc), lãi chậm nộp là: 7,85 tỷ.

Ngoài ra, Công ty tổ chức tốt bếp ăn tập thể tại các đơn vị, đảm bảo khẩu phần và định lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm luôn được chú trọng, lán trại, nơi ở của CB-CNV tại các công trình cũng đã được quan tâm chỉ đạo, phải đảm bảo về diện tích, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a/ Các khoản đầu tư:

Trong năm 2023 Công ty Cổ phần Lilama 69-2 không thực hiện đầu tư.

b/ Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2022 (VNĐ)	Năm 2023 (VNĐ)	So sánh (%)
1. Tổng giá trị tài sản	588.213.335.182	486.499.708.380	82,6%
2. Doanh thu thuần	119.653.344.080	80.235.908.244	67%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-19.480.489.810	-73.269.119.648	-377%
4. Lợi nhuận khác	-14.886.883.854	-28.595.992.755	-192,1%

5. Lợi nhuận trước thuế	-34.367.373.664	-101.865.112.403	-296,4%
6. Lợi nhuận sau thuế	-34.559.684.006	-102.600.753.559	-297%
7. Tỷ lệ chia cổ tức	0%	0%	

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	So sánh (%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,98	0,807	82,3%
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,5	0,379	0,76%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,88	1,064	120%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	7,23	16,6	229%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,37	0,333	89,2%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,2	0,165	82,5%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,29	-1,279	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,49	-3,3	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a/ Cổ phần của Công ty: Mã chứng khoán L62

Tổng số cổ phần:	8.298.243 CP
Cổ phần đang lưu hành:	8.298.243 CP
Cổ phiếu quỹ :	0 CP
Số lượng CP chuyển nhượng tự do:	8.298.243 CP
Số lượng hạn chế chuyển nhượng:	0 CP

b/ Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2023: Công ty tự cập nhật theo số liệu được thông báo về trụ sở chính:

TT	Danh mục	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu trên 5% tổng số CP	5.241.408	63,16%	6	0	6
	Ông Nguyễn Văn Kỳ	1.190.370	14,34%	1		1
	Ông Trần Xuân Trường	654.983	7,89%	1		1
	Ông Hoàng Sĩ Khang	698.529	8,42%	1		1
	Ông Vũ Khắc Nhiệm	698.529	8,42%	1		1
	Ông Hoàng Trung Kiên	519.835	6,26%	1		1
	Ông Vũ Kế Chương	1.479.162	17,83%	1		1
2	Cổ đông là tổ chức	239.102	2,88%	9	9	
3	Cổ đông khác	2.817.733	33,95%	429		429
4	Cơ cấu					
	Trong nước	8.298.243	100%	444	9	435
	Ngoài nước	0	0			

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e/ Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a/ Tổng lượng nguyên vật liệu chính (các loại thép tấm, thép hình,...) được sử dụng để gia công, chế tạo kết cấu thép của Công ty trong năm 2023 là 2.200 tấn;

b/ Tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu chính (các loại thép tấm, thép hình,...) được tái chế sử dụng khoảng 3%.

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

a/ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năm 2023 năng lượng tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất bình quân là 35.000 kWh/1 tháng. Năng lượng tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng, nhà ăn, chiếu sáng...) bình quân là 4.000 kWh/1 tháng.

b/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Là Công ty chuyên chế tạo, sản xuất, gia công và lắp đặt thiết bị, máy móc nên việc sử dụng năng lượng điện là tương đối nhiều, vì vậy Công ty luôn có các chính sách và hoạt động nhằm quản lý, sử dụng điện một cách hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

c/ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.4 Tiêu thụ nước:

a/ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước tại nhà máy của Công ty do Công ty TNHH cấp thoát nước 23-8 có địa chỉ tại Ngã tư Quang Thanh, xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp.

- Lượng nước sử dụng: Năm 2023 lượng nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 2.100 m³.

b/ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động:

a/ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng CB-CNV đóng bảo hiểm xã hội của Công ty đến 31/12/2023 là 56 người, mức lương bình quân là 10.000.000 đồng/người/tháng.

b/ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì việc thực hiện các biện pháp bảo đảm ATLĐ, VSLĐ có ý nghĩa hết sức quan trọng, làm tốt công tác ATLĐ, VSLĐ là góp phần tích cực vào việc bảo vệ lực lượng sản xuất, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, bảo đảm

quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động, do đó Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm trú trọng và chỉ đạo phải làm tốt công tác ATLĐ, VSLĐ. Cán bộ làm công tác ATLĐ luôn được tập huấn hàng năm, có kiến thức chuyên môn sâu và có bản lĩnh. Số người lao động được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ đạt 95%, trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng chuyên môn nghề nghiệp, đúng quy định, khám sức khoẻ định kỳ hàng năm đạt trên 95% số người lao động (Số còn lại khám sức khoẻ theo yêu cầu công việc như: trèo cao,...).

- Công ty xây dựng thang lương, bảng lương, định biên, định mức lao động, theo đúng nguyên tắc và quy định của Pháp luật, việc trả lương, thưởng được thực hiện đúng theo quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi của Công ty.

c/ Hoạt động đào tạo người lao động:

Hàng năm Công ty cử cán bộ nhân viên đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bằng các lớp ngắn ngày, đào tạo bổ túc nâng cao tay nghề cho thợ hàn đạt trình độ 5G, 6G, hàn TIG, MIG, nâng lương cho CB-CNV.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty triển khai, tổ chức vận động 100% CB-CNV tham ủng hộ các phong trào của địa phương như: quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ vì người nghèo, quỹ phòng chống bão lụt,.. tham gia đóng góp xây dựng quỹ từ thiện Công ty, trợ cấp cho cho bản thân CB-CNV, hiếu, hỷ, con em CB-CNV ốm đau, gia đình gặp thiên tai hỏa hoạn... các hoạt động từ thiện xã hội, ủng hộ gia đình chính sách của địa phương nơi Công ty có công trình.

- Tại địa phương nơi Công ty đóng trụ sở Công ty đã kết hợp với Chính quyền hàng năm đều thực hiện việc lo Tết cho người nghèo và được Chính quyền ghi nhận tấm lòng vàng.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Năm 2023 (VNĐ)		
	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn

			thành
1. Doanh thu thuần	200.000.000.000	80.235.908.244	67,1%
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	200.000.000	-101.865.112.403	-509%
3. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	0%	0%	

- Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kết quả hoạt động SXKD năm trước:

Chỉ tiêu	Năm 2022 (VNĐ)	Năm 2023 (VNĐ)	So sánh 2023/2022 (%)
1. Tổng giá trị tài sản	588.213.335.182	486.499.708.380	82,6%
2. Doanh thu thuần	119.653.344.080	80.235.908.244	67,1%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-19.480.489.810	-73.269.119.648	-377,3%
4. Lợi nhuận khác	-14.886.883.854	-28.595.992.755	-192,1%
5. Lợi nhuận trước thuế	-34.367.373.664	-101.865.112.403	-296,4%
6. Lợi nhuận sau thuế	-34.559.684.006	-102.600.753.959	-296,9%
7. Tỷ lệ chia cổ tức	0%	0%	

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023: Doanh thu thuần chỉ đạt 40% kế hoạch và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế lỗ 101,8 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu âm 31 tỷ đồng.

Do ảnh hưởng của hậu dịch bệnh Covid 19, tình hình lạm phát và xung đột vũ trang Nga – Ukraina nên tình trạng công ty ngày càng khó khăn. Người lao động xin nghỉ việc, các món nợ ngân hàng quá hạn bị tính lãi chậm trả nên chi phí tài chính lớn. Mặt khác Công ty có vốn điều lệ thấp (gần 83 tỷ) cộng thêm việc khó khăn trong thu hồi công nợ, không ký được hạn mức vay nên dòng tiền phục vụ kinh doanh, vốn lưu động Công ty bị thiếu hụt nghiêm trọng.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

. Nhận thức được khó khăn, công ty đã tiến hành tái cấu trúc cả về nhân sự và cơ cấu phòng ban nghiệp vụ. Duy trì hệ thống quản lý ISO, quản lý chất lượng được nâng cao nên

chất lượng sản phẩm cũng được nâng cao, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn và đáp ứng nhu cầu của các khách hàng.

. Các hợp đồng xây lắp trước khi triển khai thi công đều có phương án kinh tế tổng thể, quản lý theo dự toán thi công được duyệt, một mặt tăng cường tính chủ động cho Ban điều hành tại công trình, một mặt nâng cao năng lực quản lý giám sát của các phòng ban nghiệp vụ.

Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán với Công ty TNHH mua bán nợ Việt nam, trong suốt 1 năm qua hai bên đã đi đến được một số thống nhất để ký biên bản ghi nhớ.

2. Tình hình tài chính

a/ *Tình hình tài sản:* Giá trị tài sản biến động chủ yếu là giá trị khối lượng dở dang và nguyên vật liệu tại các dự án đến thời điểm 31/12/2023. Do tính thời điểm của báo cáo, Giá trị khối lượng dở dang hầu hết sẽ được nghiệm thu vào thời điểm Quý 1 năm 2024.

b/ *Tình hình nợ phải trả:* Công nợ phải trả của Công ty bao gồm các khoản chính như sau:

	Số đầu kỳ (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)
1. Phải trả người bán	109.390.510.687	69.751.917.979
2. Người mua trả tiền trước	59.510.133.356	26.627.283.979
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27.421.976.438	31.238.210.606
4. Phải trả người lao động	1.879.890.752	7.767.587.333
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	252.477.766.629	263.030.637.562
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	62.957.081.337	116.414.131.239
7. Vay và nợ dài hạn	1.094.284.949	1.052.484.949

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Để phù hợp với chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức của Công ty sẽ luôn được điều chỉnh và phân định rõ ràng, phù hợp với quy mô, vai trò và yêu cầu, nhiệm vụ theo từng thời điểm. Sắp xếp, kiện toàn lại bộ máy quản lý và nhân lực các phòng ban chức năng theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Hoàn thiện quy chế chức năng nhiệm vụ, bản mô tả công việc để làm cơ sở xác định cơ cấu nhân lực, số lượng người cần có để nhằm mục đích tuyển dụng, sử dụng, bố trí, quản lý nhân lực.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và ban hành nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế, đẩy mạnh công tác truyền

thông mục đích để phổ biến các quy chế/quy định xuống từng đơn vị, từng cán bộ công nhân viên để biết và thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Công ty giao cho các bộ phận thực hiện thông qua việc thống kê mức độ hoàn thành kế hoạch về sản lượng, doanh thu, thu hồi vốn, tiến độ, chất lượng thông qua các cuộc họp hàng tuần, tháng, quý.

- Nâng cao hiệu quả và năng suất lao động: sàng lọc, phân loại nguồn nhân lực hiện có theo trình độ chuyên môn, tay nghề để bố trí đúng người, đúng việc, phát huy được hết năng lực cá nhân. Tập trung nguồn lực để tăng trưởng và phát triển ngành kinh doanh chính, chú trọng công tác cung ứng vật tư và thiết kế công nghệ, quản lý thầu phụ. Nâng cao các chế độ đãi ngộ cho người lao động, gắn liền với hiệu quả công việc, thu hút nhân tài phát triển nguồn nhân lực cho công ty, đồng thời tạo môi trường làm việc hấp dẫn để duy trì người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kế hoạch trong ngắn hạn:

. Doanh thu năm 2024 là 70 tỷ đồng; Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 0 đồng.

. Công ty thực hiện Tái cấu trúc lại Công ty bao gồm: cổ đông sở hữu, bán bớt tài sản, tái cấu trúc món nợ ngân hàng.

- Trong dài hạn:

. Xây dựng Công ty cổ phần LILAMA 69-2 là doanh nghiệp chế tạo cơ khí chất lượng cao, là nhà thầu thi công xây lắp uy tín, chuyên nghiệp.

. Nâng cao năng lực chế tạo thiết bị cơ khí, tập trung vào những sản phẩm mà Công ty có thế mạnh, các sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật cao và sản phẩm xuất khẩu là Damper, thiết bị lọc bụi tĩnh điện, bồn bể, ống công nghệ, thiết bị cấu kiện quan trọng trong các nhà máy điện, lọc hóa dầu, xi măng. Làm chủ công nghệ chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện, có đủ năng lực thực hiện thầu EPC thiết bị lọc bụi tĩnh điện và các hạng mục khác trong nhà máy điện.

. Bên cạnh các lĩnh vực kinh doanh chính: chế tạo, lắp đặt thiết bị, dịch vụ bảo trì, duy tu, sửa chữa cho các nhà máy nhiệt điện, xi măng, hóa chất, lọc dầu, Công ty sẽ mở rộng thêm những ngành nghề khác như thương mại, xuất nhập khẩu, cho thuê thiết bị, xuất khẩu lao động,...



. Nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận.

. Chủ động, sáng tạo nâng cao năng lực quản lý điều hành, quản lý tài chính, tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có):*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty*

a/ *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:*

- Mức tiêu thụ điện, nước của Công ty luôn đảm bảo trong định mức đã đăng ký với Công ty điện lực và Công ty cấp nước, đối với nước thải Công ty đã xử lý theo công nghệ sinh học trước khi xả ra môi trường.

- Đối với chất thải nguy hại Công ty đã phân loại tại nguồn và ký hợp đồng với đơn vị thu gom đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

b/ *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

- Công ty luôn chú trọng nâng cao nhận thức cho CB-CNV, đảm bảo người lao động được đào tạo, huấn luyện đầy đủ trước khi làm việc ở tất cả các cấp về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, quản lý môi trường và xã hội trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty xây dựng ban hành các quy định về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp quản lý môi trường và an sinh xã hội, tuyên bố chính sách an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và an sinh xã hội để ngăn ngừa các ô nhiễm, chấn thương tại nơi làm việc, cải thiện sức khỏe, tăng cường tính bền vững về môi trường và xã hội, phù hợp với các quy định của Pháp luật.

c/ *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương:*

Công ty luôn tuân thủ Luật pháp, các quy định và yêu cầu khác liên quan đến lao động, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường. Tiến hành đánh giá rủi ro và tác động đối với an toàn sức khỏe, nghề nghiệp, môi trường. Có các biện pháp ngăn ngừa đối với tác động tiêu cực, nếu không ngăn ngừa thì phải giảm thiểu, giảm nhẹ hoặc đền bù cho người lao động, cộng đồng và môi trường bị ảnh hưởng. Hỗ trợ người dân và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động kinh doanh của Công ty để nâng cao hoặc ít nhất khôi phục sinh kế và mức sống của họ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Triển khai việc chuẩn hóa, phê duyệt các quy trình, quy chế, quy định đối với công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác của Công ty. Hội đồng quản trị đã đưa ra định hướng, các giải pháp phù hợp và kịp thời để Ban điều hành chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông, các nhà đầu tư và các cơ quan quản lý dễ dàng tham khảo, giám sát thông tin, số liệu, chi tiêu của Công ty.

Quản lý việc công bố thông tin tuân thủ theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và các quy định của Pháp Luật. Ngoài ra Hội đồng quản trị giám sát chỉ đạo thực hiện một số nội dung khác như:

- Dự kiến tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 29 tháng 06 năm 2024.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:*

Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của Ban điều hành đã cơ bản bám theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông, tuy nhiên do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan dẫn đến không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, năm 2023 bị lỗ sâu, mất vốn chủ sở hữu.

Hoạt động của Công ty cầm chừng, đợi kết quả của công tác đàm phán tái cấu trúc với DATC.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý Doanh nghiệp;

- Tổ chức lại bộ máy và hoạt động của HĐQT, cơ cấu lại nhân sự trong HĐQT cho nhiệm kỳ tới (2024-2029). Phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể nhằm tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT;

- Rà soát, cập nhật, điều chỉnh và cụ thể hóa chiến lược phát triển Công ty đến năm 2025.

V. Quản trị Công ty

1. *Hội đồng quản trị:*

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	CP sở hữu L62	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Vũ Kế Chương	- Chủ tịch HĐQT	1.479.162	17,83%
2	Ông Trương Đức Thành	- Thành viên HĐQT (Đơn xin từ nhiệm ngày 27/2/2023, ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 30/6/2023)	15.000	0,18%
3	Bà Lê Thị Minh	- Thành viên HĐQT (Đơn xin từ nhiệm ngày 08/06/2023, ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 30/6/2023)	14.297	0,17%
4	Ông Trần Xuân Trường	- Thành viên HĐQT	654.983	7,89%
5	Ông Vũ Xuân Dũng	- Thành viên HĐQT	11.865	0,14%

b/ Các tiểu ban thuộc HĐQT: HĐQT không thành lập các tiểu ban mà giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân phụ trách các lĩnh vực cụ thể.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2023, HĐQT họp 06 phiên, 04 phiên tập trung và 2 phiên lấy ý kiến.

- Số lượng các buổi họp Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi Họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch	06	100%	
2	Ông Trương Đức Thành	Thành viên	0	0%	Đơn xin từ nhiệm ngày 27/2/2023
3	Ông Trần Xuân Trường	Thành viên	06	100%	
4	Bà Lê Thị Minh	Thành viên	03	50%	Đơn xin từ nhiệm ngày 08/6/2023
5	Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	06	100%	

- Nội dung hoạt động của Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

Stt	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	03/BB-HĐQT 2023	27/02/2023	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó TGD của ông Trương Đức Thành.
2	08/BB-HĐQT- 2023	01/03/2023	Tổng hợp kết quả SXKD 2022, Xây dựng KH SXKD năm 2023. Miễn nhiệm chức vụ người quản trị công ty của bà Lê Thị Minh và bổ nhiệm ông Vũ Kế Chương là người quản trị công ty.
3	11/NQ-HĐQT 2023	20/05/2023	Thông qua nội dung và thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
4	41/BB-HĐQT- 2023	14/07/2023	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023 Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Thông qua chủ trương thanh lý tài sản xe nâng 3,5 Tấn
5	45/BB-HĐQT- 2023	29/07/2023	Thanh lý xe nâng 3,5 Tấn
6	50/BB-HĐQT- 2023	17/11/2023	Thông qua quy chế tài chính sửa đổi

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e/ Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không.

2. Ban Kiểm soát:

a/ Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- Cơ cấu Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Phùng Phương Linh	Trưởng BKS	19/5/2018- 30/06/2023 (miễn nhiệm)	Cử nhân kinh tế
2	Bà Vũ Thị Ngà	Thành viên	19/06/2014- 30/06/2023 (miễn nhiệm)	Cử nhân kinh tế
3	Bà Vũ Thị Thùy Trang	Trưởng BKS	25/06/2022 (Trưởng BKS từ 30/6/2023)	Cử nhân kinh tế
4	Ông Nguyễn Quang Thi	Thành viên	30/06/2023	Kỹ sư cơ khí
5	Ông Đào Anh Nghị	Thành viên	30/06/2023	Kỹ sư kinh tế

b/ Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Giám sát chặt chẽ, đầy đủ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đảm bảo tính khách quan, trung thực trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Pháp luật, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo các quyền lợi của cổ đông.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Thực hiện giải trình, cung cấp số liệu, tài liệu cho Ban kiểm soát kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu.

** Hoạt động của Ban kiểm soát (BKS):*

Ngày 10/01/2023 Ban kiểm soát họp tổng kết, rút kinh nghiệm thực tế hoạt động kiểm soát năm 2022 và phương hướng triển khai năm 2023.

Ngày 30/03/2023 Ban kiểm soát họp kiểm soát hoạt động SXKD quý I năm 2023 và đề ra kế hoạch hoạt động trong quý II năm 2023.

Ngày 03/05/2023 Ban kiểm soát trì bị họp định kỳ Quý II, đề xuất phương án bổ sung thêm thành viên thay thế.

Ngày 20/06/2023 Ban kiểm soát trì bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đơn đốc HĐQT, Ban điều hành về đơn vị kiểm toán và nhân sự.

Ngày 30/06/2023 Ban kiểm soát họp bầu Trưởng ban kiểm soát mới, Bà Vũ Thị Thùy Trang được bầu làm trưởng Ban kiểm soát.

Ngày 17/8/2023 Ban kiểm soát hợp sơ lược tình hình BCTC 6 tháng và thống nhất đầu việc Quý 3 phải hoàn thành.

Ngày 10/10/2023 Ban kiểm soát hợp rà soát tình hình hoạt động 9 tháng đầu năm và mục tiêu công tác trong Quý 4.

Ngày 30/12/2023 Ban kiểm soát tổng kết tình hình hoạt động năm 2023 và phương hướng kế hoạch năm 2024.

Trong năm 2023, BKS không nhận được bất cứ kiến nghị nào của cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a/ Thu nhập của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

+ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết thông qua, cụ thể:

- Lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 120 triệu/năm.

- Lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 300 triệu/năm.

- Thù lao Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Thư ký HĐQT cho năm 2023 là: 132 triệu.

+ Lương của Ban điều hành: Dựa trên kết quả SXKD.

Trong năm 2023 mức cho trả lương, thù lao HĐQT, thành viên ban kiểm soát, thư ký HĐQT cụ thể như sau:

- Lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát (Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện 2023	Ghi chú
1	Vũ Kế Chương	Chủ tịch HĐQT	313,4	Lương
2	Phùng Phương Linh	Trưởng BKS	89,5	Lương đến T6/2023
3	Vũ Thị Thuỳ Trang	Trưởng BKS	62,8	Lương từ T7/2023
	Thù lao của thành viên BKS, thành viên HĐQT, Thư ký HĐQT		0	
Tổng cộng			465,7	

- Lương Ban điều hành:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện 2023	Ghi chú
1	Nguyễn Trung Hiếu	Tổng giám đốc	322,7	
2	Trương Đức Thành	Phó Tổng giám đốc	0	
3	Trần Xuân Trường	Phó TGD, TGD Công ty CP Lilama HP	0	Lilama 69-2 HP tự chi trả
4	Lê Thị Minh	Phó Tổng giám đốc	272,5	
5	Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng giám đốc	221,5	
6	Vũ Thị Ngà	Kế toán trưởng	256,9	
Tổng cộng			1.073,6	

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2023:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu nắm giữ trước khi giao dịch	Tỷ lệ trước giao dịch	Số cổ phiếu nắm giữ sau khi giao dịch	Tỷ lệ sau giao dịch
1	Ông Vũ Kế Chương	- Chủ tịch HĐQT	374.506	4,51%	1.479.162	17,83%
2	Ông Trương Đức Thành	- TV HĐQT - Phó TGD	15.000	0,18%	15.000	0,18%
3	Ông Trần Xuân Trường	- TV HĐQT - Phó TGD	654.983	7,89%	654.983	7,89%
4	Bà Lê Thị Minh	- Thành viên HĐQT - Phó TGD	14.297	0,17%	14.297	0,17%
5	Ông Vũ Xuân Dũng	- Thành viên HĐQT	12.865	0,14%	11.865	0,14%

6	Ông Nguyễn Giám Hiệu	- Phó TGD	381	0.005%	381	0.005%
7	Bà Phùng Phương Linh	- Trưởng BKS	-	-	-	-
8	Bà Vũ Thị Thuỳ Trang	- Thành viên BKS	-	-	-	-
9	Ông Đào Anh Nghị	- Thành viên BKS	-	-	-	-
10	Ông Nguyễn Quang Thi	- Thành viên BKS	-	-	-	-
11	Bà Vũ Thị Ngà	- Kế toán trưởng	5.000	0,06%	5.000	0,06%

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có .

d/ Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty quy định về quản trị Công ty theo quy định của Luật được thực hiện nghiêm túc.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (báo cáo đính kèm).

Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vũ Kế Chương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LILAMA 69-2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 – 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên
Ông Trương Đức Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)
Bà Lê Thị Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Thùy Trang	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 30/6/2023)
Bà Phùng Phương Linh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)
Ông Nguyễn Quang Thi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/6/2023)
Ông Đào Anh Nghị	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/6/2023)
Bà Vũ Thị Nga	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/6/2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Trung Hiếu	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01/9/2023)
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/02/2023)
Bà Vũ Thị Nga	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán độc lập kèm theo, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Kế Chương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 3 năm 2024



RSM

RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội
Tầng 25 Tháp A, Tòa nhà Discovery Complex,
Số 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

T: 024 3795 5353

F: 024 3795 5252

www.rsm.global/vietnam

www.rsmhanoi.com.vn

Số: 65/2024/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
của Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 07 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại Báo cáo kiểm toán cho năm 2022, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khả năng hoạt động liên tục, tình hình xác nhận công nợ và khoản chi phí tiền chậm nộp bảo hiểm xã hội. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục xác nhận số dư tại ngày 01/01/2023 của các khoản phải thu, các khoản phải trả và chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị lần lượt khoảng 207,81 tỷ VND, 129,16 tỷ VND và 5,33 tỷ VND.

Các vấn đề trên vẫn còn tồn tại trong năm 2023 và các vấn đề phát sinh:

- Tại ngày 31/12/2023, số dư của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng, các công trình dở dang tồn đọng không xác định được giá trị cần trích lập dự phòng lần lượt khoảng 103,18 tỷ VND và 82,15 tỷ VND;
- Các khoản công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải trả người bán, trả trước cho người bán, phải thu khác, tạm ứng, phải trả khác tại ngày 31/12/2023 chưa được đối chiếu lần lượt khoảng 97,94 tỷ VND, 25,86 tỷ VND, 54,18 tỷ VND, 25,52 tỷ VND, 10,61 tỷ VND, 12,34 tỷ VND và 3,21 tỷ VND.

Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ và hợp lý của các khoản mục này tại ngày 31/12/2023 cũng như những ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được sử dụng như số liệu so sánh tại ngày 01/01/2023 và các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh 2.2 "Giả định về tính hoạt động liên tục", tại ngày 31/12/2023, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang lớn hơn tài sản ngắn hạn khoảng 99,46 tỷ VND và Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế từ khi bắt đầu thành lập đến ngày 31/12/2023 khoảng 137,30 tỷ VND, dẫn đến âm vốn chủ sở hữu khoảng 31,10 tỷ VND. Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) đã gửi đơn khởi kiện Công ty ra trước Tòa án Nhân dân Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng do Công ty không thể thanh toán đúng hạn các khoản nợ. Điều này dẫn đến hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty vẫn đang làm việc với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện cơ cấu các khoản vay và nợ thuê tài chính. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của sự kiện tái cơ cấu này. Tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng thích hợp để đưa ra được ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc. Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 064/2023/BCKTTH-PB.00081 phát hành ngày 17/4/2023, Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các khoản: "Phải trả ngắn hạn khác", "Chi phí khác" và "Lợi nhuận sau thuế" liên quan đến ghi nhận thiếu chi phí chậm nộp tiền bảo hiểm số tiền 6,9 tỷ VND. Chưa thu thập được thư xác nhận và các bằng chứng kiểm toán khác liên quan đến công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng), phải trả cho người bán ngắn hạn và các khoản trả trước cho người bán với giá trị tương ứng lần lượt khoảng 105 tỷ VND, 52 tỷ VND, 57 tỷ VND và 13 tỷ VND. Đồng thời kiểm toán viên nhiệm đã đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty do nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn khoảng 10,82 tỷ VND và Công ty không thể tái đàm phán hay có được các thỏa thuận thay thế cho các khoản nợ phải trả quá hạn với các ngân hàng.



Nguyễn Thành Lâm
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2024-026-1

Hoàng Anh Tú
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4413-2023-026-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		417.072.932.755	505.190.900.048
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.108.096.156	3.113.865.893
1. Tiền	111		1.108.096.156	3.113.865.893
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		194.543.851.124	253.179.060.596
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	113.646.256.292	162.417.089.663
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	25.523.422.696	26.734.844.219
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	74.779.803.278	78.171.668.814
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(19.405.631.142)	(14.144.542.100)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	221.394.601.681	248.583.179.760
1. Hàng tồn kho	141		233.060.222.511	248.583.179.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.665.620.830)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.383.794	314.793.799
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	26.383.794	30.455.823
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	284.337.976
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.426.775.625	83.022.435.134
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.125.588.341	2.081.595.509
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	2.125.588.341	2.081.595.509
II. Tài sản cố định	220		62.729.884.999	70.881.302.932
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	62.107.510.478	70.164.390.515
Nguyên giá	222		181.831.205.682	181.886.205.682
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.723.695.204)	(111.721.815.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227		622.374.521	716.912.417
Nguyên giá	228		1.881.110.846	1.881.110.846
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.258.736.325)	(1.164.198.429)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	5.332.657.108
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	5.332.657.108
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.571.302.285	4.726.879.585
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	4.571.302.285	4.726.879.585
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		486.499.708.380	588.213.335.182

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		517.589.465.723	516.702.338.966
I. Nợ ngắn hạn	310		516.536.980.774	515.608.054.017
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	69.751.917.979	109.390.510.687
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	26.627.283.979	59.510.133.356
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	31.238.210.606	27.421.976.438
4. Phải trả người lao động	314		7.767.587.333	1.879.890.752
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	2.063.004.440	5.043.358.588
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	114.351.126.799	57.913.722.749
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	263.030.637.562	252.477.766.629
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.707.212.076	1.970.694.818
II. Nợ dài hạn	330		1.052.484.949	1.094.284.949
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	1.052.484.949	1.094.284.949
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.15	(31.089.757.343)	71.510.996.216
I. Vốn chủ sở hữu	410		(31.089.757.343)	71.510.996.216
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.854.216.596	19.854.216.596
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.333.125.863	3.333.125.863
5. (Lỗ) lũy kế	421		(137.295.992.075)	(34.695.238.516)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(34.695.238.516)	(135.554.510)
- (Lỗ) năm nay	421b		(102.600.753.559)	(34.559.684.006)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		486.499.708.380	588.213.335.182



Vũ Kế Chương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Vũ Thị Nga
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	80.235.908.244	119.653.344.080
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		80.235.908.244	119.653.344.080
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	78.281.776.731	82.962.001.687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		1.954.131.513	36.691.342.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		464.838.999	529.446.289
7. Chi phí tài chính	22	5.3	58.362.533.669	31.841.442.328
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.271.676.575	31.834.666.353
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	17.325.556.491	24.859.836.164
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(73.269.119.648)	(19.480.489.810)
11. Thu nhập khác	31	5.5	1.110.166.408	665.984.689
12. Chi phí khác	32	5.6	29.706.159.163	15.552.868.543
13. (Lỗ) khác	40		(28.595.992.755)	(14.886.883.854)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế	50		(101.865.112.403)	(34.367.373.664)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	735.641.156	192.310.342
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(102.600.753.559)	(34.559.684.006)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	(12.364)	(4.165)
19. (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	(12.364)	(4.165)



Vũ Kế Chương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Vũ Thị Nga
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ) trước thuế	01	5.7	(101.865.112.403)	(34.367.373.664)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.401.417.933	8.839.029.946
- Các khoản dự phòng	03		16.926.709.872	7.088.512.010
- (Lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(361.227.429)	(103.627.115)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(127.338.325)	(536.678.726)
- Chi phí lãi vay	06	5.3	58.271.676.575	27.452.667.984
3. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(18.753.873.777)	8.372.530.435
- Giảm các khoản phải thu	09		53.975.445.770	33.812.096.887
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		15.522.957.249	(46.657.634.185)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(58.238.934.937)	48.783.899.161
- Giảm chi phí trả trước	12		159.649.329	414.626.653
- Tiền lãi vay đã trả	14		(373.687.120)	(13.387.284.972)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(263.482.742)	(107.217.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.971.926.228)	31.231.016.079
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(250.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		92.592.593	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.745.732	24.609.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(122.661.675)	24.609.633
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		14.501.175.952	15.629.171.820
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.412.605.019)	(43.368.596.087)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.218.258.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.088.570.933	(28.957.683.211)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(2.006.016.970)	2.297.942.501
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	3.113.865.893	815.923.392
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		247.233	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	1.108.096.156	3.113.865.893



Vũ Kế Chương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Vũ Thị Nga
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200155547 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16/12/2004. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 08 ngày 09/7/2022.

Ngày 21/4/2008, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là L62 theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 112/QĐ – TTGDHN của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp ngày 26/3/2008.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 82.982.430.000 VND, chia thành 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 60 người (tại ngày 01/01/2023 là 77 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xây lắp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tính đến ngày 31/12/2023, Công ty có 01 chi nhánh hạch toán độc lập với hoạt động kinh doanh chính là xây lắp, cụ thể: Chi nhánh Công ty CP Lilama 69 - 2 – XI nghiệp Lắp máy và Xuất nhập khẩu, địa chỉ tại Số 236-238 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

2.2 Giả định về tính hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang lớn hơn tài sản ngắn hạn khoảng 99,4 tỷ VND và Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế từ khi bắt đầu thành lập đến ngày 31/12/2023 khoảng 137,2 tỷ VND, dẫn đến âm vốn chủ sở hữu khoảng 31,10 tỷ VND. Ngoài ra, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) đã gửi đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Lilama 69-2 ra trước Tòa án Nhân dân Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng do Công ty không thể thanh toán đúng hạn các khoản nợ. Điều này dẫn đến hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai.

Báo cáo tài chính tổng hợp không bao gồm bất kỳ một sự điều chỉnh nào liên quan đến khả năng thu hồi và phân loại lại giá trị tài sản đã ghi nhận hoặc liên quan đến giá trị hoặc phân loại lại các khoản nợ phải trả được coi là trọng yếu trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động. Giả định này là giả thuyết về các sự kiện trong tương lai mà kết quả của nó cơ bản là không chắc chắn.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty vẫn đang làm việc với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện cơ cấu các khoản vay và nợ thuê tài chính. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của sự kiện tái cơ cấu này. Không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng, Công ty sẽ không hoạt động trong vòng 12 tháng tới. Do vậy, các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính theo đánh giá của Ban Tổng giám đốc dựa trên giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải	02 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.8 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.10 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

3.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh giá vốn của hoạt động xây lắp, bán phế liệu và dịch vụ. Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

3.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2023, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của hoạt động xây lắp, dịch vụ do Công ty cung cấp theo mức thuế suất 10%.

Theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết 101/2023/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24/6/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	500.547.851	1.090.482.030
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	607.548.305	2.023.383.863
Cộng	1.108.096.156	3.113.865.893

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu bên thứ ba	113.646.256.292	162.417.089.663
Công ty CP Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	7.559.368.392	15.955.570.463
Các đối tượng khác	106.086.887.900	146.461.519.200
Cộng	113.646.256.292	162.417.089.663

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho bên thứ ba	25.523.422.696	26.734.844.219
Công ty CP Máy và Thiết bị Việt Hải	8.362.433.000	9.120.637.940
Công ty TNHH Ngọc Dàn	3.796.084.011	3.796.084.011
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Phát triển An Sơn	3.600.000.000	3.600.000.000
Các đối tượng khác	9.764.905.685	10.218.122.268
Cộng	25.523.422.696	26.734.844.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

4.4 Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Phải thu người lao động (i)	62.895.274.336	62.497.512.660
Ký cược, ký quỹ	1.020.245.657	3.734.895.623
Phải thu khác	10.864.283.285	11.939.260.531
Cộng	74.779.803.278	78.171.668.814
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	2.125.588.341	2.081.595.509
Cộng	2.125.588.341	2.081.595.509

(i) Đây là các khoản tạm ứng cho nhân viên để chi trả chi phí thi công các công trình.

4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty CP Dệt may Xuất khẩu Hải Phòng	3.530.030.467	3.530.030.467
Công ty Xuất nhập khẩu Điện khí Thượng Hải	3.028.418.120	3.028.418.120
Alstom Đà Loan (Linkou)	2.973.979.566	2.973.979.566
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Việt Vương	2.200.207.704	2.200.207.704
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 3	1.914.324.740	1.914.324.740
Các đối tượng khác	2.071.966.214	497.581.503
Dự phòng phải thu người lao động (i)	3.686.704.331	-
Cộng	19.405.631.142	14.144.542.100

(i) Dự phòng các khoản phải thu tạm ứng nhân viên chi tiết tại Thuyết minh 4.4 "Phải thu khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

4.6 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	26.383.794	30.455.823
Cộng	26.383.794	30.455.823
Dài hạn		
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và các chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất tại An Lão (i)	4.562.140.005	4.680.752.109
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.162.280	46.127.476
Cộng	4.571.302.285	4.726.879.585

(i) Đây là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và các chi phí khác của lô đất địa chỉ Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng diện tích 54.759,4 m² với thời hạn sử dụng 50 năm.

4.7 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Giá gốc	233.060.222.511	248.583.179.760
Nguyên liệu, vật liệu	27.745.395.939	38.181.059.948
Công cụ, dụng cụ	598.365.241	660.514.584
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	204.716.461.331	209.741.605.228
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.665.620.830)	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(11.665.620.830)	-
Cộng	221.394.601.681	248.583.179.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**4.7 Hàng tồn kho (tiếp)**

(i) Tại ngày 31/12/2023, chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các công trình tồn đọng từ các năm trước	157.178.378.380	(11.665.620.830)	167.551.165.049	-
Kết cấu thép cung quy hoạch hội chợ triển lãm tỉnh Quảng Ninh	16.900.060.151	-	16.900.060.151	-
Thiết kế, chế tạo, cung cấp và lắp dựng hoàn thiện nhà xưởng - CN Nam Thuận tại Hải Phòng	15.985.572.799	-	15.985.572.799	-
Mua sắm vật tư, gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép kho than	15.802.612.770	-	14.336.820.794	-
Gia công, chế tạo, vận chuyển và cung cấp kết cấu thép công trình cáp treo 6 Bà Nà	13.065.932.731	-	13.041.089.864	-
CTTB DA NM điện BARH	11.450.535.662	-	11.450.535.662	-
Các công trình khác	83.973.664.267	(11.665.620.830)	95.837.085.779	-
Các công trình đang thi công dở dang	47.538.082.951	-	42.190.440.179	-
Sản xuất và lắp dựng kết cấu thép khung, kèo xà gồ nhà xưởng và phụ trợ	30.875.717.860	-	30.797.621.558	-
Cung cấp vật liệu gia công kết cấu thép	6.463.210.259	-	6.216.356.845	-
Thi công lắp đặt giá đỡ đường ống	6.839.939.791	-	5.176.461.776	-
Hạng mục sàn thao tác và kết cấu thép phụ hệ thống tải tro xỉ - Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2	3.359.215.041	-	-	-
Cộng	204.716.461.331	(11.665.620.830)	209.741.605.228	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2023	90.797.357.024	58.270.101.859	32.282.361.760	536.385.039	181.886.205.682
Mua sắm	-	-	250.000.000	-	250.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(305.000.000)	-	(305.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	90.797.357.024	58.270.101.859	32.227.361.760	536.385.039	181.831.205.682
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2023	41.807.686.084	38.507.046.506	30.949.597.069	457.485.508	111.721.815.167
Khấu hao	4.533.526.284	3.394.097.923	356.861.771	22.394.059	8.306.880.037
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(305.000.000)	-	(305.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	46.341.212.368	41.901.144.429	31.001.458.840	479.879.567	119.723.695.204
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	48.989.670.940	19.763.055.353	1.332.764.691	78.899.531	70.164.390.515
Tại ngày 31/12/2023	44.456.144.656	16.368.957.430	1.225.902.920	56.505.472	62.107.510.478

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 58.198.885.628 VND (tại ngày 01/01/2023 là 55.077.095.946 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2023 là 38.825.678.796 VND (tại ngày 01/01/2023 là 43.478.080.598 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

4.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả bên thứ ba	69.751.917.979	109.390.510.687
Công ty CP Phát triển Công nghiệp Hoàng Dương	8.295.809.881	8.295.809.881
Công ty CP Thương mại Thái Giang	2.078.151.293	10.539.567.935
Các đối tượng khác	59.377.956.805	90.555.132.871
Cộng	69.751.917.979	109.390.510.687

4.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Bên thứ ba trả tiền trước	26.627.283.979	59.510.133.356
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Thuận	14.000.000.000	14.000.000.000
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	14.975.619.573
Công ty CP Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	-	7.787.146.663
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	-	6.670.934.338
Các đối tượng khác	12.627.283.979	16.076.432.782
Cộng	26.627.283.979	59.510.133.356



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**4.11 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2023		Trong năm		Tại ngày 31/12/2023	
	VND		VND		VND	
	Số dư	Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT được khấu trừ	284.337.976	4.549.700.946	4.834.038.922	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	10.600.815.505	8.280.301.087	-	-	7.978.938.757
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	457.414.716	735.641.156	-	-	1.193.055.872
Thuế thu nhập cá nhân	-	156.328.684	312.657.368	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất (i)	-	3.346.335.424	2.007.899.492	-	-	3.812.305.571
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (ii)	-	13.162.444.439	5.094.665.967	-	-	18.253.910.406
Cộng	-	27.421.976.438	12.924.572.365	-	-	31.238.210.606

(i) Đây là tiền thuế đất của các thửa đất có địa chỉ tại số 26 Tân viên và Quán Toan, Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

(ii) Số dư bao gồm các khoản phạt chậm nộp thuế theo giá trị Công ty đang tạm ghi nhận theo Quyết định số 5050/QĐ-CTHPH ngày 28/11/2023 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng. Công ty đang trình rà soát lại các khoản chậm nộp và có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

4.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.336.067.166	1.336.127.963
Trích trước chi phí công trình	726.937.274	3.707.230.625
Cộng	2.063.004.440	5.043.358.588

4.13 Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả bên liên quan	8.316.499.999	12.738.999.999
Ông Vũ Kế Chương (i)	8.316.499.999	12.738.999.999
Phải trả bên thứ ba	106.034.626.800	45.174.722.750
Các khoản trích theo lương	14.451.980.688	17.264.507.006
Lãi vay phải trả (i)	75.663.892.791	17.670.169.636
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng	68.654.631.396	17.304.312.006
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng	5.735.748.084	365.857.630
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	1.273.513.311	-
Lãi chậm nộp BHXH	7.851.524.940	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.067.228.381	10.240.046.108
Cộng	114.351.126.799	57.913.722.749

(i) Khoản mượn tiền của ông Vũ Kế Chương, kỳ hạn 12 tháng, không có lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Bao gồm lãi vay phải trả trong hạn và quá hạn cho các khoản vay chi tiết tại Thuyết minh 4.14 "Vay và nợ thuê tài chính".

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

4.14 Vay và nợ thuế tài chính

	Tại ngày 01/01/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2023 VND	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn	252.477.766.629		14.201.175.952	3.648.305.019	263.030.637.562	
Bên thứ ba	252.477.766.629		14.201.175.952	3.648.305.019	263.030.637.562	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng (i)	216.166.304.858	Không xác định	14.201.175.952	3.532.376.540	226.835.104.270	Không xác định
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	27.780.461.771	Không xác định	-	15.928.479	27.764.533.292	Không xác định
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (iii)	7.858.000.000	Không xác định	-	-	7.858.000.000	Không xác định
Các cá nhân khác	673.000.000	Không xác định	-	100.000.000	573.000.000	Không xác định
Cộng	252.477.766.629	Không xác định	14.201.175.952	3.648.305.019	263.030.637.562	Không xác định
	Tại ngày 01/01/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2023 VND	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay dài hạn	1.094.284.949		-	41.800.000	1.052.484.949	
Bên thứ ba	1.094.284.949		-	41.800.000	1.052.484.949	
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng (iv)	1.094.284.949	Không xác định	-	41.800.000	1.052.484.949	Không xác định
Cộng	1.094.284.949	Không xác định	-	41.800.000	1.052.484.949	Không xác định

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thương Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**4.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

(i) Trong năm của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hải Phòng đã buộc Công ty nhận nợ 14.201.175.952 VND trong ngắn hạn để giải tỏa bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng khi hợp đồng không thực hiện được cho Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam theo hợp đồng số 089/2022/HĐGC/VCG-L62 ngày 08/02/2022.

(ii) Ngày 04/5/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) đã gửi đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Lilama 69 - 2 ra trước Tòa án Nhân dân Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng nhằm yêu cầu Công ty hoàn trả lại nợ cho MB toàn bộ nợ gốc, lãi và phạt chậm trả tạm tính đến ngày 15/3/2023 và lãi quá hạn phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngày 12/12/2023, Tòa án Nhân dân Quận Hồng Bàng ban hành thông báo số 15/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án.

Chi tiết các hợp đồng vay tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

Số	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (1.000 VND)	Nợ gốc (1.000 VND)	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo	Tình trạng nợ vay
(i)	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 520/2021/HDHM-PN/SHB 110400 ngày 29/12/2021	250.000.000	226.835.104	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ, hiện tại đã quá hạn nên lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh chế tạo kết cấu, lắp đặt thiết bị, chế tạo lắp máy, sản xuất và kinh doanh thiết bị lọc tinh điện.	Các tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp (bao gồm: 02 bất động sản, 03 phương tiện vận tải, 02 lô máy móc thiết bị và 26 quyền đòi nợ)	Các khoản vay trên đã quá hạn
(ii)	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 31600.20.257.1339 407.TD ngày 03/07/2020	50.000.000	27.764.533	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ, hiện tại đã quá hạn nên lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu	Tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình và sản xuất thiết bị lọc bụi tinh điện của khách hàng	Các tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp	Các khoản vay trên đã quá hạn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**4.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

Số	Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (1.000 VND)	Nợ gốc (1.000 VND)	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo	Tình trạng nợ vay
(iii)	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 25673/21MB/HĐT Đ ký ngày 13/12/2021	10.000.000	7.858.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ, hiện tại đã quá hạn nên lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu	Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Các tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp	Các khoản vay trên đã quá hạn
(iv)	Hợp đồng tín dụng số 18791.18.257.133 9407.TD ngày 03/7/2018	10.500.000	1.052.485	48 tháng	Lãi suất thả nổi	Phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty	Các tài sản hình thành từ vốn vay	Các khoản vay trên đã quá hạn
	Hợp đồng tín dụng Số 27577.19.257.133 9407.TD ngày 19/07/2019	2.471.000		48 tháng	Lãi suất thả nổi	Đầu tư thiết bị công trực và cần trực	Các tài sản hình thành từ vốn vay	Các khoản vay trên đã quá hạn
	Hợp đồng tín dụng số 33837.19.257.133 9407.TD ngày 11/09/2019	10.290.000		48 tháng	Lãi suất thả nổi	Phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty	Các tài sản hình thành từ vốn vay	Các khoản vay trên đã quá hạn

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty vẫn đang làm việc với Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện cơ cấu các khoản Vay và nợ thuê tài chính. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của sự kiện tái cơ cấu này. Do vậy, chưa có cơ sở đánh giá được số khả năng có thể trả nợ cho các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)**4.15 Vốn chủ sở hữu****4.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(135.554.510)	106.070.680.222
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(34.559.684.006)	(34.559.684.006)
Tại ngày 31/12/2022	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(34.695.238.516)	71.510.996.216
Tại ngày 01/01/2023	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(34.695.238.516)	71.510.996.216
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(102.600.753.559)	(102.600.753.559)
Tại ngày 31/12/2023	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(137.295.992.075)	(31.089.757.343)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

4.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Vũ Kế Chương	14.791.620.000	17,83	3.745.060.000	4,51
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp nặng Việt Hải	-	-	11.046.560.000	13,31
Nguyễn Xuân Kỳ	11.903.700.000	14,34	11.903.700.000	14,34
Trần Xuân Trường	6.549.830.000	7,89	6.549.830.000	7,89
Hoàng Sĩ Khang	6.985.290.000	8,42	6.985.290.000	8,42
Vũ Khắc Nhiên	6.985.290.000	8,42	6.985.290.000	8,42
Hoàng Trung Kiên	5.198.350.000	6,26	5.198.350.000	6,26
Cổ đông khác	30.568.350.000	36,84	30.568.350.000	36,84
Cộng	82.982.430.000	100	82.982.430.000	100

4.15.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
- Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
- Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.15.4 (Lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(102.600.753.559)	(34.559.684.006)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.298.243	8.298.243
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	(12.364)	(4.165)

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu xây lắp	66.668.731.734	90.663.937.536
Doanh thu bán phế liệu	12.367.176.510	27.839.406.544
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	1.200.000.000	1.150.000.000
Cộng	80.235.908.244	119.653.344.080

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn xây lắp	54.234.193.368	53.703.771.261
Giá vốn bán phế liệu	12.329.295.649	27.840.558.444
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	52.666.884	1.417.671.982
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.665.620.830	-
Cộng	78.281.776.731	82.962.001.687

5.3 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	58.271.676.575	31.834.666.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.857.094	6.775.975
Cộng	58.362.533.669	31.841.442.328

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.829.588.266	14.602.027.236
Chi phí vật liệu văn phòng	68.107.870	139.802.634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	857.384.023	865.306.201
Dự phòng phải thu khó đòi	5.261.089.042	7.088.512.010
Thuế và các khoản lệ phí	560.304.080	519.037.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	472.102.862	635.178.511
Chi phí khác bằng tiền	1.276.980.348	1.009.972.369
Cộng	17.325.556.491	24.859.836.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP)

5.5 Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	92.592.593	512.069.083
Tiền phạt thu được	537.802.100	-
Các khoản khác	479.771.715	153.915.606
Cộng	1.110.166.408	665.984.689

5.6 Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	881.664.891	2.135.386.858
Các khoản phạt hành chính, chậm nộp, thuế phải nộp theo thông báo thuế (i)	15.532.639.317	12.662.811.432
Tiền phạt chậm trả lãi vay	95.672.903	-
Tiền chậm nộp BHXH (ii)	7.851.524.940	-
Ghi giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.332.657.108	-
Các khoản khác	12.000.004	754.670.253
Cộng	29.706.159.163	15.552.868.543

(i) Xem chi tiết tại Thuyết minh 4.11 "Thuế và các khoản phải khác nộp Nhà nước".

(ii) Theo thông báo đóng BHXH tháng 12 năm 2023 của BHXH Thành phố Hải Phòng.

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và (lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP)

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
(Lỗ) kế toán trước thuế	(101.865.112.403)	(34.367.373.664)
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	104.543.318.181	38.146.898.728
Chi phí không được trừ	29.706.159.163	38.146.898.728
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm	(361.227.429)	-
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.665.620.830	-
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	5.261.089.042	-
Chi phí lãi vay không được trừ năm nay (i)	58.271.676.575	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh	2.678.205.778	3.779.525.064
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	(2.817.973.354)
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	2.678.205.778	961.551.710
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	535.641.156	192.310.342
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước (ii)	200.000.000	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	735.641.156	192.310.342
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	457.414.716	265.104.374
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.193.055.872	457.414.716

(i) Các khoản chi phí lãi vay tạm thời không được trừ được phép chuyển vào các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị quyết số 132/2020/NĐ-CP ngày 17/11/2020.

(ii) Công ty đang tạm ghi nhận theo Quyết định số 5050/QĐ-CTHPH ngày 28/11/2023 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng và có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	17.683.849.380	32.373.617.395
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.676.158.214	36.303.845.957
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	49.191.004	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.401.417.933	8.839.029.946
Thuế và các khoản lệ phí	560.304.080	519.037.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.447.436.543	6.106.952.779
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.665.620.830	-
Dự phòng phải thu khó đòi	5.261.089.042	7.088.512.010
Chi phí khác bằng tiền	10.046.161.320	33.102.803.569
Cộng	87.791.228.346	124.333.798.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

6 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh sản xuất là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Vay

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Ông Vũ Kế Chương		
Vay thêm	300.000.000	11.549.999.999
Trả gốc vay	4.722.500.000	3.220.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Thành viên Hội đồng quản trị		
Vũ Kế Chương Chủ tịch Hội đồng quản trị	313.490.000	310.495.000
Trần Xuân Trường Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc	-	-
Vũ Xuân Dũng Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
Trương Đức Thành Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/6/2023)	-	256.448.500
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		
Nguyễn Trung Hiếu Tổng Giám đốc	322.793.000	161.176.000
Nguyễn Giám Hiệu Phó Tổng Giám đốc	221.546.645	276.556.196
Nguyễn Quang Vinh Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 17/5/2022)	-	71.734.000
Lê Thị Minh Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/6/2023)	272.531.000	270.867.500
Vũ Thị Ngà Kế toán trưởng	256.950.000	-
Cộng	<u>857.829.645</u>	<u>1.076.409.696</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Thu nhập của Ban Kiểm soát

		<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Vũ Thị Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 30/6/2023)	-	-
Phùng Phương Linh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 30/6/2023)	89.536.800	176.577.700
Nguyễn Quang Thi	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Đào Anh Nghi	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Cộng		<u>89.536.800</u>	<u>176.577.700</u>

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại Thuyết minh 4.13 "Phải trả ngắn hạn khác".

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty vẫn đang làm việc với Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện cơ cấu các khoản vay và nợ thuê tài chính nhưng hai bên chưa đưa ra kết luận cuối cùng. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của sự kiện tái cơ cấu này.

Ngoài ra, trong năm 2024 Công ty đã và đang thực hiện ký kết các hợp đồng kinh tế quan trọng để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp để thông tin tài chính được trình bày phù hợp với số liệu năm nay.



Vũ Kế Chương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Vũ Thị Nga
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy
Người lập